

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23-9-2022
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Công

2. Ông Trần Đình Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Nữ Lệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2022/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 25/8/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Cẩm H, sinh năm 1997

Hộ khẩu thường trú: xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa– Vũng Tàu. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1993

Hộ khẩu thường trú: xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm H trình bày:

Bà Lê Thị Cẩm H và ông Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, hai bên tổ chức đám cưới và đăng ký kết tại UBND xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào năm 2015. Vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được hai người con chung, cả hai đều cố gắng làm ăn tích lũy để nuôi con cái. Tuy nhiên được một thời gian sau thì giữa hai bên bắt đầu xảy ra mâu thuẫn xung đột, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường tranh cãi căng thẳng, nguyên nhân

do ông T bỏ bê vợ con, tụ tập ăn nhậu không chịu đi làm; khuyên nhủ nhiều lần ông T không thay đổi mà còn có lần hành hung bà. Đến giữa năm 2018 mâu thuẫn trầm trọng hơn nên bà cùng 01 con (cháu trai) quay về nhà cha mẹ ruột tại huyện L sống đến thời điểm nộp đơn ly hôn. Trong suốt quá trình này cả hai không có thái độ hàn gắn lại, sống ly thân đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chung sống cũng không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Văn T.

Về con chung: Bà H và ông T có với nhau 02 con chung tên Trần Ngọc Yến N, sinh ngày 16/12/2015 và Trần Tấn P, sinh ngày 25/02/2017. Khi vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân nhau thì cháu P sống với bà H, cháu N sống với ông T. Khi ly hôn bà H đề nghị mỗi người nuôi một con đến tuổi trưởng thành và giữ nguyên như hiện nay để các cháu ổn định học tập. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Bị đơn ông Trần Văn T có lời khai: Hiện nay ông T vẫn sinh sống tại địa chỉ: xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, nhưng ông không đồng ý đến Tòa hòa giải mà chỉ gửi bản ý kiến. Ông T đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà H; Về con chung ông đồng ý giữ nguyên việc nuôi con như hiện nay và thống nhất khi ly hôn ông sẽ nuôi cháu N, bà H nuôi cháu P. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và có đơn xin được vắng mặt tất cả các buổi hòa giải và xét xử.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B cho rằng:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong hạn luật định theo Điều 28, 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thu thập chứng cứ đầy đủ, nguyên đơn chấp hành tốt quy định và cung cấp ý kiến chứng cứ đầy đủ, đủ căn cứ để xét xử vắng mặt bị đơn do có đơn xin vắng mặt nộp tại Tòa án; trình tự tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu ly hôn, con chung; Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn cư trú tại xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Lê Thị Cẩm H và ông Trần Văn T tìm hiểu và tự nguyện chung sống có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại xã T, thành phố B đúng quy định nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp.

Vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau hai con chung, tuy nhiên bà H xác nhận khoảng thời gian hạnh phúc không dài thì hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn xung đột mà không thể hàn gắn. Qua ý kiến của cả nguyên đơn và bị đơn thì mâu thuẫn vợ chồng là có thật thể hiện rõ ở việc từ những bất đồng trong khi chung sống nên cả hai sống ly thân nhau thời gian dài, không tự hòa giải với nhau để mong muốn đoàn tụ, sống mỗi người một nơi, cả hai không quan tâm chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng vun đắp gia đình theo những mục đích tốt đẹp của hôn nhân.

Khi giải quyết vụ án ông Trần Văn T tuy cư trú tại địa phương, đã nhận văn bản tố tụng của Tòa nhưng không đến tham gia hòa giải mà chỉ gửi ý kiến và đơn xin vắng mặt đến là thể hiện việc không có thiện chí trong việc hòa giải đoàn tụ; tại phiên tòa bà H vẫn giữ nguyên ý kiến và cương quyết xin ly hôn do xác định hiện nay cả hai không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do vậy, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: Bà H, ông T có 02 con tên Trần Ngọc Yến N, sinh ngày 16/12/2015 và Trần Tấn P, sinh ngày 25/02/2017. Hiện nay, bà H đang nuôi cháu P, ông T đang nuôi cháu N. Khi ly hôn cần giữ nguyên việc nuôi con như hiện nay là phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng và sự thỏa thuận của các bên. Việc cấp dưỡng nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Cẩm H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Cẩm H được ly hôn với ông Trần Văn T.

Về con chung: Giao cháu Trần Tấn P, sinh ngày 25/02/2017 cho bà Lê Thị Cẩm H; giao cháu Trần Ngọc Yến N, sinh ngày 16/12/2015 cho ông Trần Văn T

trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Cả hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Cẩm H nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004443 ngày 22/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà H đã nộp xong án phí.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Người vắng mặt thì thời hạn tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND xã T, Tp B;
- (Số 33, Q1/2015 ngày 12/6/2015);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hoàng Anh

